

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HN-ST

Ngày: 21-6-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm
2019. Về tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST – HN ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng M, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: ấp C, xã
T, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện L,
tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm
Thị Hồng M trình bày:* Chị với anh Nguyễn Văn N do tìm hiểu quen biết nhau được
gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân
dân xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21/7/2018. Nữ trang cưới gồm một đôi

bông tai 01 chỉ vàng 24Kra, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24Kra, 01 kiềng 05 chỉ vàng 24Kra, số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn hiện không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà anh N, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc đến tháng 11/2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, do anh N thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh N vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho gia đình không được hạnh phúc, đến tháng 01/2019 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay mạnh ai nấy sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Tên Nguyễn Hải Đ, sinh 09/01/2019 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, cấp cho đến khi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị M xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 06 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh với chị M do tìm hiểu quen biết nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn chỉ do anh gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng cự cãi chị M bỏ nhà đi và từ đó vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 05 tháng nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Tên Nguyễn Hải Đ, sinh 09/01/2019 hiện đang sống chung với chị M. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn đã đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị M; về quan hệ hôn nhân cho chị M và anh N được ly hôn; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh N; về con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh 09/01/2009 giao chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu đề nghị không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung phải thu phải trả đương sự không yêu cầu đề nghị không xem xét; về án phí đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị Hồng M là nguyên đơn và anh Nguyễn Văn N là bị đơn. Đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ; chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện so với khởi kiện ban đầu chị rút lại yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N thay đổi ý kiến theo bản khai anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, ý kiến anh N nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị M thì anh đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Tòa án nhân dân huyện L nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con với anh N. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp T, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long; Anh N có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa chị M tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con so với khởi kiện ban đầu. Việc rút yêu cầu này là phù hợp khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, quyền định đoạt của đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này.

[4] Chị M và anh N đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 21 tháng 7 năm 2018 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị M với anh N là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị M cho rằng do anh N không quan tâm gia đình thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc dẫn đến vợ chồng cự cãi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Theo anh N thì cho rằng do anh gặp khó khăn trong công việc làm ăn bị thua lỗ nên giữa anh và chị M thường xuyên cự cãi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị M xác nhận chị không còn tình cảm với anh N, hàn gắn không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N; anh N không đồng ý ly hôn với chị M và yêu cầu được đoàn tụ vì anh vẫn còn thương vợ, thương con.

Xét thấy anh N yêu cầu được đoàn tụ với chị M nhưng anh không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc mà đằng này anh chị người nào chỉ biết bỏn phận người đó bỏ mặc sống sao thì sống không ai quan tâm ai. Và tại phiên tòa chị M cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, hàn gắn không hạnh phúc; từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị M với anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh N. Cho chị M và anh N được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị M và anh N đều thừa nhận cháu Nguyễn Hải Đ, sinh 09/01/2019 là con chung của anh chị, hiện tại cháu Hải Đ đang sống với chị M. Chị M có yêu cầu được quyền trực tiếp được nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Hải Đ sinh 09/01/2019 hiện nay chưa tròn 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy nên giao chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M rút lại yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị M.

[8] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị M và anh N xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng M.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng M và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục cháu Nguyễn Hải Đ, sinh 09/01/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Phạm Thị Hồng M rút lại yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị Phạm Thị Hồng M.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm thị Hồng M và anh Nguyễn Văn N xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hồng M có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0000703 ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được khấu trừ số tiền án phí mà chị M có nghĩa vụ chịu, do đó chị M không phải nộp.

Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện L;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh